

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22/02/2021 của Bộ Y tế về Quyết định ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Đề án số 07 - ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu

Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; đưa tỉnh Lào Cai ra khỏi nhóm có mức sinh cao so với toàn quốc.

2. Chỉ tiêu

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70.% năm 2021 và duy trì đến năm 2025, phấn đấu đạt 72% vào năm 2030; giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- 75% cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025, đạt 90% năm 2030.

- Trên 95% cấp xã triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ công tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030.

- 90% trạm y tế xã trên địa bàn có đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai theo quy định vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030.

- 100% cấp huyện có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai lâm sàng; hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030.

- 100% cấp xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại địa phương

Xây dựng chính sách hỗ trợ cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phương tiện tránh thai miễn phí cho các đối tượng ưu tiên theo hướng dẫn của trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong từng giai đoạn.

2. Truyền thông, vận động thay đổi hành vi

- Định kỳ cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức cá nhân ủng hộ, tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng địa phương, dân tộc, tôn giáo. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các chương trình, đề án khác.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học và lứa tuổi.

- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại cơ sở cung cấp dịch vụ trên địa bàn toàn tỉnh. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện, xã; ưu tiên đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Đào tạo, đào tạo liên tục, đào tạo nâng cao và đào tạo lại cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình từ tuyến trên cho tuyến dưới, chú trọng hỗ trợ cho tuyến y tế cơ sở. Đảm bảo cung cấp phương tiện tránh thai đầy đủ, kịp thời từ các nguồn miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa đáp ứng nhu cầu của các đối tượng sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; xây dựng và thí

điểm mô hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản qua mạng (viễn thông, internet); thí điểm và mở rộng mô hình tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên; duy trì việc tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại các xã đặc biệt khó khăn.

- Thí điểm và từng bước mở rộng các mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; can thiệp làm giảm phá thai tại cộng đồng.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS).

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về dân số - kế hoạch hóa gia đình; cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; cung cấp phương tiện tránh thai trên địa bàn tỉnh.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực

- Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên đảm bảo hoạt động ở tuyến cơ sở, các xã đặc biệt khó khăn.

- Đảm bảo đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện Kế hoạch. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được lồng ghép trong các nhiệm vụ thường xuyên của địa phương và lồng ghép trong các chương trình dự án khác. Huy động sự đóng góp của tư nhân, doanh nghiệp cộng đồng và người sử dụng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tranh thủ sự hỗ trợ và chuyển giao công nghệ của các tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, cá nhân người nước ngoài.

III. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch cho giai đoạn 2021-2025 là 42.622.900.000 đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách nhà nước: 18.654.900.000 đồng.
- Nguồn xã hội hóa: 23.968.000.000 đồng

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Kết thúc giai đoạn 2021-2025, tiến hành tổng kết, đánh giá và xây dựng dự toán cho giai đoạn 2026-2030 để đạt được mục tiêu đề ra.

2. Nguồn vốn thực hiện kế hoạch

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình và dự án khác; bao gồm khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

+ Ngân sách cấp huyện bố trí kinh phí cho các cơ quan đơn vị ở cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình.

- Huy động hợp pháp từ các tổ chức kinh tế, xã hội và các cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo từng năm, từng giai đoạn đảm bảo hiệu quả. Hằng năm, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể, Sở Y tế xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật các dịch vụ KHHGĐ, cung cấp phương tiện tránh thai theo quy định; tổ chức tập huấn về chuyên môn cho cán bộ thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan truyền thông về nội dung hoạt động của kế hoạch.

- Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của Kế hoạch; định kỳ hàng năm, giai đoạn tổng hợp báo cáo gửi về Bộ Y tế và UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan huy động nguồn lực đầu tư cho các hoạt động cung cấp các dịch vụ KHHGĐ, cung cấp phương tiện tránh thai trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn hợp pháp khác tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; hướng dẫn các đơn vị việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Hằng năm, thẩm định dự toán chi tiết kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Định hướng các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung của Kế hoạch.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì và phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo định hướng của Kế hoạch.

6. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có mức sinh cao trên địa bàn tỉnh.

7. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Định hướng chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền; phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế, các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động của Kế hoạch. Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch của tỉnh, cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Chỉ đạo các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể tại địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung Kế hoạch.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Kế hoạch với các chương trình kế hoạch trên địa bàn (từ khâu xây dựng kế hoạch đến khâu tổ chức thực hiện); thực hiện chế độ báo cáo hàng năm theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện “Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT: TU; HĐND; UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung